2005-2月中旬確認分

JR北海道－711系札幌車検査表記

2005/11/21更新

←小樽　室蘭／旭川、北旭川→
★711系札幌車、3両編成

×＝下枠タイプ
<＝シングルアームタイプ
無記入は未確認です。

編成 番号	⑥③ クハ **セミクロス** 711 定員108 定員109 ←前位 SN	⑤② × or < モハ **セミクロス** 711 定員108 定員108 ←前位 制御 MG CP 整流	④① クハ **セミクロス** トイレ 711 定員96 定員100 前位→ SN		←3ドア車 編成番号	新製日 *予算配分*	パンタ	冷房化	3ドア化	その他
	<+　+	+　+	+　+>	←連結器						
S101	101	101	201		S101	1980-9-2東急 *54年度2次債務*	<	冷房車 14-3NH	×	
	15-8NH	15-8NH	15-8NH	全検						
	15-8NH	15-8NH	15-8NH	要検						
S102	102	102	202		S102	1980-9-2東急 *54年度2次債務*		冷房車 13-11NH	×	
	10-5NH	10-5NH	10-5NH	全検						
	13-11NH	13-11NH	13-11NH	要検						
S103	103	103	203		S103	1980-9-2東急 *54年度2次債務*	<	冷房車 14-6NH	×	
	14-6NH	14-6NH	14-6NH	全検						
	14-6NH	14-6NH	14-6NH	要検						
S104	104	104	204		S104	1980-9-9東急 *54年度2次債務*		冷房車 14-7NH	×	
	未確認	未確認	未確認	全検						
	14-7NH	14-7NH	14-7NH	要検						
S105	105	105	205		S105	1980-9-9東急 *54年度2次債務*	×	冷房車 14-9NH	×	
	10-11NH	10-11NH	10-11NH	全検						
	14-9NH	14-9NH	14-9NH	要検						
S106	106	106	206		S106	1980-9-9東急 *54年度2次債務*	<	非冷房車	○	
	11-12NH	11-12NH	11-12NH	全検						
	16-1NH	16-1NH	16-1NH	要検						
S107	107	107	207		S107	1980-8-26川重 *54年度2次債務*		冷房車 14-3NH	×	
				全検						
				要検						
S108	108	108	208		S108	1980-8-26川重 *54年度2次債務*		冷房車 13-7NH	×	
	12-2NH	12-2NH	12-2NH	全検						
	16-3NH	16-3NH	16-3NH	要検						
S109	109	109	209		S109	1980-9-16川重 *54年度2次債務*	×	冷房車 13-8NH	×	
	11-2NH	11-2NH	11-2NH	全検						
	15-1NH	15-1NH	15-1NH	要検						
S110	110	110	210		S110	1980-9-16川重 *54年度2次債務*	×	非冷房車	×	
	11-6NH	11-6NH	11-6NH	全検						
	15-7NH	15-7NH	15-7NH	要検						
S111	111	111	211		S111	1980-9-24川重 *54年度2次債務*		非冷房車	○	
	14-10NH	14-10NH	14-10NH	全検						
	14-10NH	14-10NH	14-10NH	要検						
S112	112	112	212		S112	1980-9-24川重 *54年度2次債務*		非冷房車	×	
				全検						
				要検						
S113	113	113	213		S113	1980-9-16川重 *54年度2次債務*		冷房車 14-1NH	×	
	14-1NH	14-1NH	14-1NH	全検						
	14-1NH	14-1NH	14-1NH	要検						
S114	114	114	214		S114	1980-8-5日立 *54年度2次債務*		非冷房車	×	
				全検						
				要検						
S115	115	115	215		S115	1980-8-5日立 *54年度2次債務*		非冷房車	○	
				全検						
				要検						
S116	116	116	216		S116	1980-7-15日立 *54年度2次債務*		非冷房車	○	
	11-9NH	11-9NH	11-9NH	全検						
	15-10NH	15-10NH	15-10NH	要検						
S117	117	117	217		S117	1980-7-15日立 *54年度2次債務*	<	非冷房車	○	
	11-3NH	11-3NH	11-3NH	全検						
	未確認	未確認	未確認	要検						
S59	118	59	218		S59	1980-8-5日立 *54年度2次債務*		非冷房車	×	保留車
				全検		1969-9-3日立				
				要検		*43年度4次債務*				
S60	35	60	36		S60	1969-9-3日立 *43年度4次債務*		非冷房車	×	2004-7-22廃車
				全検						
				要検						

T-TAKE(T-TAKENOBE) All Rights Reserved
T-TAKE WebPage
このデータの掲載発行時期は更新日と同じです。
www.t-take.com
www5.ocn.ne.jp/~t-take/
t-take_e2517e351@hkg.odn.ne.jp
T-TAKE